**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: 2027 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 8 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phƣơng án sắp xếp lại, xử lý tài sản công**

**trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và*

*Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của*

*Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của*

*Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 04 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đ ng nh n d n t nh quy định về ph n cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn t nh Thừa Thiên Huế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2657/STC-CSDN*

*ngày 04 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công trên địa bàn

tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau:

**1. Số lƣợng các cơ sở nhà đất thực hiện sắp xếp lại, xử lý:**

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Đơn vị sắp xếp** | **Số**  **lƣợng** | **Diện tích (m2)** | | |
| **Diện tích đất** | **Nhà** | |
| **Diện tích xây**  **dựng nhà** | **Diện tích sàn sử dụng nhà** |
| 1 | Khối Cơ quan cấp tỉnh | 486 | 2.959.538,35 | 686.396,78 | 2.588.935,51 |
| 2 | A Lưới | 336 | 743.637,95 | 91.469,78 | 38.675,21 |
| 3 | Thành phố Huế | 604 | 1.726.296,60 | 335.322,10 | 501.321,80 |
| 4 | Hương Thủy | 198 | 567.538,90 | 100.044,53 | 138.393,40 |
| 5 | Hương Trà | 173 | 569.553,00 | 62.726,20 | 90.629,55 |
| 6 | Nam Đông | 188 | 387.239,08 | 69.165,04 | 94.758,57 |
| 7 | Phú Lộc | 327 | 988.891,20 | 93.224,50 | 106.885,50 |
| 8 | Phú Vang | 279 | 721.462,50 | 99.398,88 | 161.132,26 |
| 9 | Phong Điền | 361 | 939.360,30 | 98.273,61 | 139.167,31 |
| 10 | Quảng Điền | 198 | 755.741,40 | 86.531,30 | 128.501,54 |
| 11 | Khối doanh nghiệp | 17 | 61.526,60 | 8.719,96 | 8.719,96 |
|  | **CỘNG** | **3.167** | **10.420.785,88** | **1.731.272,67** | **3.997.120,61** |

*Trong đó:*

**a) Phƣơng án bán tài sản trên đất, chuyển nhƣợng quyền sử dụng đất:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Đơn vị sắp xếp** | **Số**  **lƣợng** | **BÁN TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CHUYỂN**  **NHƢỢNG QSDĐ** | | |
| **Diện tích đất (m2)** | **Nhà (m2)** | |
| **Diện tích xây**  **dựng nhà** | **Diện tích sàn sử dụng nhà** |
| 1 | Khối Cơ quan cấp tỉnh | 22 | 46.096,30 | 17.167,87 |  |
| 2 | Thành phố Huế | 12 | 11.718,20 | 3.555,70 |  |
| 3 | Hương Thủy | 4 | 911,00 | 130,00 |  |
| 4 | Nam Đông | 2 | 2.763,00 | 309,00 |  |
| 5 | Phong Điền | 4 | 17.254,80 | 3.412,00 |  |
|  | **CỘNG** | **44** | **78.743,30** | **24.574,57** |  |

2

**b) Phƣơng án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất khối quản lý nhà nƣớc:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hình thức sắp xếp** | **KHỐI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH** | | | |
| **Số**  **lƣợng** | **Diện tích đất (m2)** | **Diện tích nhà (m2)** | |
| **Diện tích**  **xây dựng**  **nhà** | **Diện tích sàn sử dụng nhà** |
| 1 | Giữ lại tiếp tục sử dụng | 1.199 | 2.029.763,06 | 301.463,27 | 363.591,86 |
| 2 | Tạm Giữ lại TTSD | 8 | 8.718,90 | 1.877,90 | 1.877,90 |
| 3 | Điều chuyển | 83 | 120.965,80 | 10.672,20 | 11.231,20 |
| 4 | Chuyển giao ĐP QLXL | 38 | 24.327,07 | 3.097,87 | 2.691,87 |
|  | **CỘNG** | **1.328** | **2.183.774,83** | **317.111,24** | **379.392,83** |

**c) Phƣơng án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất khối đoàn thể - tổ chức hội:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hình thức sắp xếp** | **KHỐI ĐOÀN THỂ - TỔ CHỨC HỘI** | | | |
| **Số**  **lƣợng** | **Diện tích đất (m2)** | **Diện tích nhà (m2)** | |
| **Diện tích xây**  **dựng** | **Diện tích sàn**  **sử dụng** |
| 1 | Giữ lại tiếp tục sử dụng | 33 | 67.899,60 | 13.240,22 | 10.669,35 |
| 2 | Tạm Giữ lại TTSD | 0 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 3 | Điều chuyển | 2 | 1.497,50 | 595,50 | 976,50 |
| 4 | Chuyển giao ĐP QLXL | 0 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
|  | **CỘNG** | **35** | **69.397,10** | **13.835,72** | **11.645,85** |

**d) Phƣơng án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất khối sự nghiệp công lập:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hình thức sắp xếp** | **KHỐI SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP** | | | |
| **Số**  **lƣợng** | **Diện tích đất**  **(m2)** | **Diện tích nhà (m2)** | |
| **Diện tích xây**  **dựng nhà** | **Diện tích**  **sàn sử dụng**  **nhà** |
| 1 | Giữ lại tiếp tục sử dụng | 1.287 | 7.308.928,25 | 1.270.549,07 | 3.477.893,30 |
| 2 | Tạm Giữ lại TTSD | 21 | 50.706,00 | 4.810,00 | 14.816,20 |
| 3 | Điều chuyển | 273 | 371.318,90 | 61.642,11 | 51.351,90 |
| 4 | Chuyển giao ĐP QLXL | 162 | 296.390,90 | 30.030,00 | 28.726,00 |
|  | **CỘNG** | **1.743** | **8.027.344,05** | **1.367.031,18** | **3.572.787,40** |

3

**đ) Phƣơng án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất khối Doanh nghiệp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hình thức sắp xếp** | **KHỐI DOANH NGHIỆP** | | | |
| **Số**  **lƣợng** | **Diện tích đất**  **(m2)** | **Diện tích nhà (m2)** | |
| **Diện tích xây**  **dựng** | **Diện tích**  **sàn sử**  **dụng** |
| 1 | Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế | 1 | 2.650,40 | 1.033,76 | 1.033,76 |
| 2 | Công ty TNHH Nhà nước MTV lâm nghiệp Nam Hòa | 2 | 14.158,00 | 535,00 | 535,00 |
| 3 | Công ty TNHH NN1TV Lâm nghiệp Phong Điền | 1 | 18.074,00 | 534,00 | 534,00 |
| 4 | Công ty TNHHNN MTV lâm nghiệp Tiền Phong | 2 | 4.261,00 | 870,00 | 870,00 |
| 5 | Công ty TNHH NN1TV QLKT CT Thủy lợi TT Huế | 4 | 3.674,90 | 1.689,00 | 1.689,00 |
| 6 | Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Huế | 2 | 15.456,40 | 870,00 | 870,00 |
| 7 | Công ty TNHH NN1TV xổ số kiến thiết TT Huế | 5 | 3.251,90 | 3.188,20 | 3.188,20 |
|  | **CỘNG** | **17** | **61.526,60** | **8.719,96** | **8.719,96** |

**2. Số lượng các cơ sở nhà đất loại khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hình thức sắp xếp** | **Loại khỏi Phƣơng án sắp xếp** | | | |
| **Số**  **lƣợng** | **Diện tích đất (m2)** | **Diện tích nhà (m2)** | |
| **Diện tích xây dựng** | **Diện tích sàn**  **sử dụng** |
| 1 | Cơ quan cấp tỉnh | 11 | 22.711,30 | 0,00 | 4.790,70 |
| 2 | A Lưới | 4 | 30.767,60 | 1.412,00 | 1.412,00 |
| 3 | Hương Trà | 10 | 36.958,00 | 5.268,75 | 5.268,80 |
| 4 | Phong Điền | 8 | 5.871,00 | 684,00 | 684,00 |
| 5 | Khối Doanh nghiệp | 65 | 2.923.083,30 | 65.733,59 | 65.733,59 |
|  | **CỘNG** | **98** | **3.019.391,20** | **73.098,34** | **77.889,09** |

Việc quản lý, sử dụng và xử lý đối với nhà, đất quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

4

**Điều 2. Xử lý chuyển tiếp**

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Điều 2 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

**Điều 3. Xử lý vi phạm**

1. Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Quyết định này.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp không thực hiện kê khai báo cáo, không thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét không phê duyệt quyết định đầu tư, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, mua sắm tài sản; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã và thành phố Huế được phép ngừng thanh toán các khoản chi đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, mua sắm tài sản đối với các đơn vị có vi phạm cho đến khi khắc phục xong vi phạm.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhà, đất sử dụng cho thuê, cho mượn, hợp tác, kinh doanh, liên doanh, liên kết không đúng quy định kể từ ngày Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ có hiệu lực có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được vào ngân sách Nhà nước; xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan theo quy định.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

- Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh về việc

phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất các doanh nghiệp nhà

5

nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý các khu nhà, đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

**1. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế, các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Công ty Cổ phần và Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ tiếp tục rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất phát sinh.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan triển khai, đôn đốc và kiểm tra việc cập nhật cơ sở dữ liệu về nhà, đất vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và Cơ sở dữ liệu tài sản công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chỉ xem xét trình cấp có thẩm quyền xử lý các nội dung liên quan đối với các cơ sở nhà, đất đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và Cơ sở dữ liệu tài sản công tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trƣờng:**

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị được giao quản lý, sử dụng nhà, đất đăng ký

và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất cho các đơn vị theo đúng quy định.

- Phối hợp với cơ quan Thuế hướng dẫn các đơn vị được giao quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất (Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các doanh nghiệp) đăng ký, kê khai nộp tiền thuê đất.

**3. Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế:**

Phối hợp với cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh hướng dẫn các đơn vị được giao quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai; Các tổ chức chính trị- xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và các đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đăng ký, kê khai nộp tiền thuê đất.

6

**4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng**

**tài sản công có trách nhiệm:**

a) Đối với phương án: “Giữ lại tiếp tục sử dụng” và “Tạm giữ lại tiếp tục

sử dụng”:

- Các đơn vị được giao quản lý nhà, đất kiểm tra, rà soát hoàn thiện hồ sơ sử dụng đất, xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Cập nhật đầy đủ dữ liệu cơ sở nhà, đất thuộc đơn vị quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và Cơ sở dữ liệu tài sản công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Các đơn vị tiếp nhận tài sản công lập văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ, gửi cùng bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cơ sở nhà, đất được giao quản lý về cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để tổng hợp gửi về Sở Tài chính làm cơ sở đối chiếu, phê duyệt số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

b) Đối với phương án: Thu hồi - Điều chuyển:

- Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có tài sản công được sắp xếp lại, xử lý theo phương án Thu hồi, Điều chuyển gửi hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh để được xử lý.

- Sau khi có Quyết định Thu hồi - điều chuyển tài sản công của UBND tỉnh, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế đôn đốc các đơn vị tiếp nhận tài sản công phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất; Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các đơn vị tiếp nhận tài sản công lập văn bản xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ, gửi cùng bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cơ sở nhà, đất được giao quản lý về cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để tổng hợp gửi về Sở Tài chính làm cơ sở đối chiếu, phê duyệt số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

c) Đối với phương án: Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý:

- Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có tài sản công được sắp xếp lại, xử lý theo phương án Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý gửi hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh để được xử lý.

7

- Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về đất đai, pháp luật có liên quan và hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Việc giao đất, cho thuê đất đối với đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước thì phải đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Khi đấu giá quyền sử dụng đất thì phải kết hợp bán đấu giá tài sản trên đất

để thu hồi tài sản cho nhà nước.

d) Đối với phương án: Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu kêu gọi đầu tư, tiến độ quy hoạch và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn để xác định tiến độ xử lý cơ sở nhà đất theo phương án “Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất” gửi hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; Quy trình bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực hiện theo hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 6813/UBND-NĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021.

**5.** Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;

- Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);

- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c); - CT và các PCT UBND tỉnh;

- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh; - Lưu: VT, TC, NĐ.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phƣơng**

8